TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tư do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18-5-2022
V/v: *"Tranh chấp về hôn nhân gia đình".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÀO CAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Trọng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Hoàng Thị Bích Phượng;
2. Bà Trần Thị Huệ.
- ***Thư ký phiên toà***: Ông Phan Quốc Vương - Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.
- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa***: Bà Lê Thị Thuỷ - Kiểm sát viên.
Ngày 18 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/20221/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 12 năm 2022 về việc *"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên toà số 26/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22/4/2022; giữa các đương sự:
1. Nguyên đơn: Anh N V D, sinh năm 1974
Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L L 1, xã C S, thành phố L C, tỉnh Lào Cai;
Địa chỉ nơi cư trú: Thôn N C, xã B C, huyện B, tỉnh Lào Cai - Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.
2. Bị đơn: Chị L T L, tên gọi khác L T N, sinh năm 1979
Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N C, xã B C, huyện B, tỉnh Lào Cai;
Hiện nay đang chấp hành án tại: Đội 31, phân trại số 5, Trại giam Tân Lập, Cục 10, Bộ Công an (xã V Tr, huyện H H, tỉnh Phú Thọ) - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo Quyết định giám đốc thẩm số 31/2021/HNGĐ-GĐT ngày 23/11/2021 Của toà án nhân dân Cấp Cao tại Hà Nội đã Quyết định: Huỷ một phần Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 29/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10/3/2021 của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai về phần giao con chung đối với vụ án "Hôn nhân gia đình" giữa nguyên đơn là anh N V D với bị đơn là chị L T L, tên gọi khác L T N. Giao hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân huyện B, tỉnh

Lào Cai giải quyết sơ thẩm lại về phần giao con chung theo đúng quy định của pháp luật.

Khi nhận được hồ sơ vụ án, ngày 22/12/2021 Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai đã thụ lý và giải quyết vụ án thấy rằng: Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 29/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10/3/2021 về phần giao con đã công nhận sau khi ly hôn chị L T L trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục hai cháu N N K sinh ngày 16/5/2003 và cháu N T H sinh ngày 01/3/2006 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, anh N V D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tại thời điểm Toà án thụ lý giải quyết vụ án thì cháu N N K sinh ngày 16/5/2003 đã trên 18 tuổi nên không xem xét về việc giao cháu K nữa. Còn đối với cháu N T H sinh ngày 01/3/2006 thì hiện nay mới trên 16 tuổi và đang là học sinh của Trưởng PTDT nội trú của tỉnh Lào Cai nên cần xem xét giải quyết nghĩa vụ nuôi con chung đối với cháu N T H.

Lời khai của anh N V D anh nhất trí trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và do hiện tại chị L đang phải chấp hành án phạt tù nên không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi cháu H.

Lời khai của chị L là vẫn không đồng ý giao cháu H cho anh D được trực tiếp nuôi dưỡng mà chị vẫn có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu H, nay chị đang đi chấp hành án chị gửi cháu cho bà ngoài của cháu và cô, dì, chú bác, hàng xóm nuôi dậy và trông nom giúp.

Do nay chị L đang phải chấp hành án phạt tù Toà án đã uỷ thác cho Trại giam Tân Lập tống đạt các văn bản tố tụng và lấy lời khai; đối với anh N V D trong quá trình thụ lý vụ án ban đầu không gặp được anh để làm việc, Toà án đã niêm yết các văn bản tố tụng đối với anh N V D, trước ngày xét xử thì anh D đến Toà án và đã trình bày lời khai có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu chị L cấp dưỡng và nộp đơn xét xử vắng mặt. Do chị L đang chấp hành hình phạt tù nên thuộc trường hợp không thể tiến hành hoà giải được vụ án vì có lý do chính đáng. Do vậy Toà án đã tiến hành các thủ tục tố tụng và xét xử về việc giao con chung, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

* Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Đúng quy định của pháp luật;

+ Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án Tranh chấp về hôn nhân gia đình;

+ Về xác định người tham gia tố tụng; thu thập tài liệu, chứng cứ: Toà án xác định đúng người tham gia tố tụng; lấy lời khai của đương sự và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định;

+ Thời hạn giải quyết vụ án: Đúng quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Việc chấp hành pháp luật của hội đồng xét xử sơ thẩm, thư ký phiên toà, của người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xử giao cháu

N T H sinh ngày 01/3/2006 cho anh N V D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Chị L T L không phải cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn.

- Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14: Buộc anh N V D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm pháp luật: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án ban đầu nguyên đơn anh N V D không đến Toà án để làm việc, Toà án đã lập biên bản niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh D; đối với chị L T L hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Tân Lập nhưng hộ khẩu thường trú tại xã B C, huyện B, tỉnh Lào Cai do vậy đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã uỷ thác tống đạt cho bị đơn L tất cả các văn bản tố tụng nhưng do bị đơn đang chấp hành án phạt tù nên không thể có mặt tại phiên tòa được do vậy Hội đồng xét xử đã thảo luận và quyết định hoãn phiên tòa, ấn định thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 18 tháng 5 năm 2022 và đã niêm yết Quyết định hoãn phiên toà đối với nguyên đơn và Uỷ thác tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn. Tại phiên tòa ngày 18 tháng 5 năm 2022 nguyên đơn N V D đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc giao con chung: Anh N V D và chị L T L có 02 con chung là cháu N N K sinh ngày 16/5/2003 và cháu N T H sinh ngày 01/3/2006, đến thời điểm Toà án thụ lý giải quyết vụ án này thì cháu K đã trên 18 tuổi nên Toà án không xem xét, giải quyết việc giao cháu K. Còn đối với cháu N T H sinh ngày 01/3/2006 thì cho đến nay cháu mới được hơn 16 tuổi có nguyện vong được ở với mẹ và xét thấy cần phải có người trực tiếp nuôi dưỡng cháu nhưng hiện nay mẹ của cháu là chị L T L lại đang phải chấp hành hình phạt tù nên không thể trực tiếp nuôi dưỡng cháu được, đối với anh N V D, qua xác minh tại thôn và lấy lời khai một số người sinh sống gần nơi cư trú của anh D thấy rằng anh D là người hiền lành, sống lương thiện, thương yêu các con, có việc làm lao động tự do, chủ yếu làm thợ xây và bốc vác có thu nhập khoảng 5.000.000 đồng/ tháng, anh D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H.

Xét về quyền lợi về mọi mặt của con và sự phát triển về thể chất, tinh thần, bảo đảm cho việc học hành và các điều kiện cho sự phát triển toàn diện đối với cháu H, hơn nữa hiện nay chị L T L đang phải chấp hành án phạt tù nên Hội đồng xét xử giao cháu N T H cho anh N V D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn: Anh N V D có việc làm và có thu nhập, chị L T L đang phải chấp hành án, cháu N T H đang theo học tại Trường phổ thông dân tộc nội trú của tỉnh Lào Cai được Nhà nước nuôi ăn học nên chị L T L không phải cấp dưỡng nuôi con thì anh D vẫn đảm bảo việc nuôi dậy cháu H khôn lớn trưởng thành.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí: Anh N V D phải chịu án phí Ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14;

1. Về việc giao nuôi con: Xử giao cháu N T H sinh ngày 01/3/2006 cho anh N V D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Chị L T L tên gọi khác L T N không phải cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Về án phí: Anh N V D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh;
- VKSND H. B (2);
- Chi cục THADS H. B;
- UBND xã B C, h. BT, t. LC;
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Trần Bình Trọng